TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10- 5-2023
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đôi

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 5, thôn H, xã G1, huyện G, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn*: Anh Đặng Văn D, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 01 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 02 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồngkhông hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồngđã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Đến đầu năm 2010 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị H và anh D không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồngkhông còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Đặng Văn D.

Về con chung: Chị H khai vợ chồngcó 01 con chung là Đặng Thị Linh L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2010. Trường hợp ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H tự thỏa thuận với anh D, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H để tự thỏa thuận với anh D, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đặng Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh D vẫn vắng mặt tại Tòa án và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh D. Về con chung, giao con là Đặng Thị Linh L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2010 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H đề nghị để tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do chị H không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Đặng Văn D đã được Toà án triệu tập hợp lệ để anh D có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình về việc chị H có đơn xin ly hôn nhưng anh D vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân

sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Đặng Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn D được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồnghòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồngkhông hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồngthường xuyên xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Do mâu thuẫn nên chị H và anh D đã sống ly thân từ đầu năm 2010 cho đến nay. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồnggiữa chị H và anh D phù hợp với lời khai của chị H. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D, anh D không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã trầm trọng, khả năng vợ chồngđoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là Đặng Thị Linh L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2010. Trường hợp ly hôn chị H đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu xác minh thể hiện chị H có khả năng và điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, cháu L đang ở cùng chị H và cháu L cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao con chung là Đặng Thị Linh L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H đề nghị để tự thỏa thuận với anh D, anh D vắng mặt và chưa có lời khai về cấp dưỡng nuôi con chung nên, do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồngtự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án xem xét; anh D vắng mặt và chưa có lời khai về tài sản chung vợ cH, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đặng Văn D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đặng Thị Linh L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đặng Văn D cho đến khi chị Nguyễn Thị H có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0001889 ngày 07/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Đặng Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H, K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang